

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	DANH MỤC SỬ DỤNG ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	CHIỀU CAO TT (TẦNG)	CHIỀU CAO TD (TẦNG)	MXD (%)	HSSD ĐẤT (LẦN)	GHI CHÚ
A	ĐẤT DÂN DỤNG		570101	96.02					
I	ĐẤT Ở	HT,D,DV,DXH	189783	31.63					
1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CHÍNH TRẠNG	HT1 - HT7	39479	6.58					
		HT1	1902		2.0	4.0	100%	4.0	
		HT2	15734		2.0	4.0	SAU KHÍ TRƯ	4.0	
		HT3	3437		2.0	4.0	KHOẢNG LUI	4.0	
		HT4	2367		2.0	4.0	XÂY DỰNG	4.0	
		HT5	7870		2.0	4.0		4.0	
		HT6	5883		2.0	4.0		4.0	
		HT7	2286		2.0	4.0		4.0	
2	ĐẤT Ở NHÀ MẶT ĐỘ CAO	D1 - D10	55164	9.19					
		D1	4507		2.0	4.0	70%	2.8	
		D2	8419		2.0	4.0	70%	2.8	
		D3	5929		2.0	5.0	70%	2.8	
		D4	4825		2.0	4.0	70%	2.8	
		D5	8722		2.0	4.0	70%	2.8	
		D6	2871		2.0	4.0	70%	2.8	
		D7	8257		2.0	4.0	70%	2.8	
		D8	4849		2.0	4.0	70%	2.8	
		D9	4113		2.0	4.0	70%	2.8	
		D10	2602		2.0	4.0	70%	2.8	
3	ĐẤT Ở MẶT ĐỘ THẤP	DV1 - DV10	73509	12.25					
		DV1	9278		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV2	14331		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV3	5664		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV4	5901		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV5	2595		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV6	4440		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV7	14699		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV8	11374		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV9	3941		1.0	3.0	55%	1.65	
		DV10	1286		1.0	3.0	55%	1.65	
4	ĐẤT NHÀ Ở CAO TẦNG KẾT HỢP DỊCH VỤ	DXH	21631	3.61					
		DXH	21631		5.0	9.0	35%	3.15	
II	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	GD,DVCC,CC,Q	125918	20.99					
1	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG KHU Ở	GD,DVCC,CC,YT	58352	9.73					
1.1	ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	GD	49306	8.22					
a	TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN	GD2	20069		2.0	4.0	40%	1.6	
b	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	GD3	5222		2.0	4.0	40%	1.6	
c	TRƯỜNG TIỂU HỌC	GD4	15264		1.0	3.0	40%	1.2	
d	TRƯỜNG MẦM NON	GD5	4944		1.0	3.0	40%	1.2	
e	ĐẤT DỰ TRÙ GIÁO DỤC	DT	3817		2.0	4.0	40%	1.6	
1.2	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - DỊCH VỤ	CC-DVCC	8399	1.40					
a	ĐẤT TỔ DÂN PHỐ	CC8	1388		1.0	3.0	40%	1.2	
b	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	DVCC4	5688		2.0	4.0	60%	2.4	
c	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	DVCC5	1323		2.0	4.0	60%	2.4	
1.3	ĐẤT CÔNG TRÌNH Y TẾ	YT	647	0.11					
a	TRẠM Y TẾ	YT1	647		1.0	3.0	40%	1.2	
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - DỊCH VỤ ĐÔ THỊ	CC-DVCC	31358	5.22					
2.1	BẾN XE	CC1	4973		2.0	5.0	40%	2.0	
2.2	CHỢ NGOÀI TRỜI	CC2	4558		1.0	2.0	40%	0.8	
2.3	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI	CC3	7324		2.0	5.0	40%	2.0	
2.4	BỤI ĐIỆN	CC4	1552		2.0	5.0	60%	3.0	
2.5	TRẠM XĂNG DẦU	CC5	1858		1.0	2.0	40%	0.8	
2.6	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	DVCC1	4516		2.0	5.0	60%	3.0	
2.7	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	DVCC2	4161		2.0	5.0	60%	3.0	
2.8	ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	DVCC3	2416		2.0	5.0	60%	3.0	
3	ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	GD	28428	4.74					
3.1	TRUNG TÂM DẠY NGHỀ	GD1	28428		2.0	4.0	40%	1.6	
4	ĐẤT CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP	Q1-Q4	7780	1.30					
4.1	TRỤ SỞ LÀM VIỆC TTDS-KHKGĐ	Q1	595		2.0	5.0	45%	2.25	
4.2	ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	Q2	3286		2.0	5.0	45%	2.25	
4.3	HẠT QUẢN LÝ ĐÔ THỊ	Q3	1767		2.0	5.0	45%	2.25	
4.4	TRẠM KIỂM LÂM	Q4	2132		2.0	5.0	45%	2.25	
III	ĐẤT CÂY XANH - CÔNG VIÊN	CV-CX	48730	8.12					
1	CÔNG VIÊN	CV1 - CV5							
		CV1	8478		1.0	1.0	5%	0.5	
		CV2	1483		1.0	1.0	5%	0.5	
		CV3	2134		1.0	1.0	5%	0.5	
		CV4	3589		1.0	1.0	5%	0.5	
		CV5	13893		1.0	1.0	5%	0.5	
2	CÂY XANH	CX	19153		1.0	1.0	5%	0.5	
IV	ĐẤT GIAO THÔNG		211670	35.28					
1	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI THỊ		203163						
2	BÃI ĐỖ XE, QUẦY XE	P/S	8507						
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		23899	3.98					
1	KÈ CHỐNG XÓI LỎ		11314	1.89					

